

Bài 5: CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MỸ LA-TINH

I. CÁC NƯỚC CHÂU PHI.

1. Vài nét về cuộc đấu tranh giành độc lập.

- Sau chiến tranh thế giới thứ hai, đặc biệt là từ những năm của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh giành độc lập ở châu Phi phát triển mạnh trước hết là ở Bắc Phi, hàng loạt nước.
- Năm 1960, là "Năm châu Phi" với 17 nước được trao trả độc lập.
- Năm 1975, với thắng lợi của cách mạng Mô-dăm-bích và Ăng-gô-la, chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cùng và hệ thống thuộc địa của nó về cơ bản đã tan rã.
- Từ sau năm 1975, nhân dân châu Phi đã hoàn thành cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ, giành độc lập dân tộc với sự ra đời của nước Cộng hòa Dim-ba-bu-ê (1980) và Namibia (1990).
- 11.1993, tại Nam Phi, trước áp lực đấu tranh của người da màu, chế độ phân biệt chủng tộc (Apartheid) bị xóa bỏ. Năm 1994, Nen-xơn Man-đê-la (Nelson Mandela) trở thành Tổng thống da đen đầu tiên của nước Cộng hòa Nam Phi.

2. Tình hình phát triển kinh tế – xã hội: (Sách giáo khoa)

II. CÁC NƯỚC MỸ LATINH.

1. Vài nét về quá trình đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc.

- Nhiều nước Mỹ la tinh đã giành độc lập từ đầu thế kỷ XIX nhưng sau đó lệ thuộc Mỹ, trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.
- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mỹ bùng nổ và phát triển. Tiêu biểu là thắng lợi của cách mạng Cu Ba:
 - Tại Cu ba:
 - + Tháng 3/1952, Mỹ giúp Ba-ti-xta lập chế độ độc tài quân sự, xóa bỏ Hiến pháp tiến bộ, cấm các đảng phái chính trị hoạt động, bắt giam và tàn sát nhiều người yêu nước.
 - + Nhân dân Cu Ba đấu tranh chống chế độ độc tài Ba-ti-xta dưới sự lãnh đạo của Phi-đen Ca-xtơ-rô, mở đầu là cuộc tấn công vào trại lính Môn-ca-đa.
 - + Ngày 1/1/1959, chế độ độc tài Ba-ti-xta bị lật đổ, nước Cộng hòa Cu Ba thành lập.
 - + Tháng 8/1961, Mỹ lập tổ chức Liên minh vì tiến bộ lôi kéo các nước Mỹ La-tinh nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của Cu Ba.
 - + Từ thập niên 60 -70, phong trào đấu tranh chống Mỹ và chế độ độc tài thân Mỹ giành độc lập phát triển mạnh giành nhiều thắng lợi.
 - 1999 Panama đấu tranh và thu hồi chủ quyền kênh đào Panama.
 - 1962: Gia mai ca, Triniđát & Tôbagô.
 - 1966: là Guyana, Bắcbadốt.
 - 1983 có 13 nước độc lập ở Caribê.
- Với nhiều hình thức: bãi công của công-nhân, nổi dậy của nông dân, đấu tranh nghị trường, đấu tranh vũ trang...., biến châu lục này thành "lục địa bùng cháy" (tiêu biểu là phong trào đấu tranh vũ trang ở Vê-nê-xu-ê-la, Pê-ru...).

2. Tình hình phát triển kinh tế – xã hội : (Sách giáo khoa)

CÂU HỎI ÔN TẬP CUỐI BÀI

Câu 1: Sau CTTGII, phong trào đấu tranh chống thực dân phương Tây ở Châu Phi bùng nổ sớm nhất tại

- A. Nam Phi.
- B. Tây Phi.
- C. Đông Phi.
- D. Bắc Phi.

Câu 2: Những quốc gia giành được độc lập sớm nhất ở Châu Phi

- A. Mô-dăm-bích và Ăng-gô-la.
- B. An-giê-ri và Tuy-ni-di.
- C. Ai Cập và Li-bi.
- D. Maroc và Su-đăng.

Câu 3: Lịch sử thế giới ghi nhận năm 1960 là “năm Châu Phi” vì

- A. Hệ thống thuộc địa của CN thực dân cũ bị sụp đổ hoàn toàn.
- B. Chế độ phân biệt chủng tộc Apartheid ở Châu Phi đã bị xoá bỏ hoàn toàn.
- C. Hệ thống thuộc địa của Anh, Pháp bị sụp đổ hoàn toàn.
- D. Có 17 nước Châu Phi được trao trả độc lập.

Câu 4: Năm 1975, nhân dân Mozambique và Angola giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống sự thống trị của chủ nghĩa thực dân, cơ bản đánh dấu việc

- A. Chấm dứt sự thống trị của chế độ phân biệt chủng tộc Apartheid ở Châu Phi.
- B. Chấm dứt thống trị của CN thực dân cũ ở Châu Phi, hệ thống thuộc địa của nó tan rã.
- C. Chấm dứt thống trị của CN thực dân mới ở Châu Phi, hệ thống thuộc địa của nó tan rã.
- D. Hoàn thành cuộc đấu tranh chống CN thực dân cũ, giành độc lập dân tộc.

Câu 5: Sự kiện đánh dấu chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa của nó ở Châu Phi cơ bản bị sụp đổ là

- A. 17 quốc gia ở Châu Phi cùng giành độc lập trong 1 năm.
- B. CH Mozambique, Angola thắng lợi giành độc lập 1975.
- C. Năm 1990, Namibia tuyên bố độc lập.
- D. Năm 1993, chế độ phân biệt chủng tộc Apartheid được xoá bỏ.

Câu 6: Sự kiện nào đánh dấu mốc sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ và hệ thống thuộc địa của nó ở Châu Phi ?

- A. Zimbabwe và Namibia tuyên bố độc lập.
- B. Năm 1962, Algeria giành độc lập.
- C. Ngày 11/11/1975, nước CHND Angola ra đời.
- D. Năm 1994, Nelson Mandela trở thành tổng thống da màu đầu tiên của Nam Phi.

Câu 7: Quốc gia thoát khỏi sự thống trị của Nam Phi, tuyên bố độc lập vào tháng 3/1990 là

- A. Algeria.
- B. Zimbabwe.
- C. Namibia.
- D. Nam Phi.

Câu 8: Kẻ thù chủ yếu trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của người da đen ở Nam Phi là

- A. Chủ nghĩa thực dân cũ.
- B. Chủ nghĩa thực dân mới.
- C. Chủ nghĩa Apartheid.
- D. Chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Câu 9: Nội dung của chủ nghĩa Apartheid ở Nam Phi là

- A. Châu Phi của người Châu Phi.
- B. Người da trắng và người da màu không có sự bình đẳng về tôn giáo.
- C. Sự phân chia giàu- nghèo là phù hợp với màu da.
- D. Không thể có sự bình đẳng giữa người da trắng và người da màu.

Câu 10: Cuộc đấu tranh chống chế độ chủ nghĩa A-pác-thai tại Nam Phi dưới sự lãnh đạo của tổ chức “ Đại hội dân tộc Phi” (ANC) nhằm

- A. Thủ tiêu chế độ phân biệt chủng tộc.
- B. Lên án gây gắt chủ nghĩa Apartheid.
- C. Đòi quyền bình đẳng giữa người da đen và người da trắng.
- D. Quyền được sống, tự do, dân chủ, tiến bộ xã hội.

Câu 11: Văn kiện chính thức xoá bỏ chế độ phân biệt chủng tộc Apartheid là

- A. Tuyên ngôn thủ tiêu hoàn toàn CN thực dân.
- B. Hiến pháp của Cộng Hoà Nam Phi tháng 11/1993.
- C. Tuyên ngôn thủ tiêu tất cả các hình thức của chế độ phân biệt chủng tộc.
- D. Hiến chương của Liên minh Châu Phi (AU).

Câu 12: Sự kiện Nelson Mandela trở thành tổng thống da đen đầu tiên của cộng hoà Nam Phi đánh dấu

- A. Sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân trên thế giới.
- B. Sự phân biệt, kì thị chủng tộc trên thế giới đã bị xoá bỏ hoàn toàn.
- C. Nam Phi là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Phi.
- D. Việc chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc đã từng tồn tại 3 thế kỉ kết Nam Phi.

Câu 13: Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc “Apartheid” ở Nam Phi được xem là cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vì

- A. Chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi là không phù hợp với ý Chúa.
- B. Chế độ phân biệt chủng tộc không được Hiến pháp Nam Phi thừa nhận.
- C. Nam Phi chưa giành được độc lập.
- D. Chế độ phân biệt chủng tộc là một hình thái áp bức của chủ nghĩa thực dân.

Câu 14: Hình thức đấu tranh giải phóng dân tộc chủ yếu của các nước Châu Phi là

- A. Đấu tranh vũ trang, dùng bạo lực cách mạng.
- B. Đấu tranh chính trị hợp pháp, thương lượng hoà bình.
- C. Đấu tranh trên lĩnh vực kinh tế.
- D. Đấu tranh trên lĩnh vực quân sự.
- D. Mức độ độc lập và phát triển của các nước sau độc lập không đều nhau.

Câu 15: Hãy điền đúng (Đ) hoặc sai (S) vào ô trống thích hợp đầu câu

	1. Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của Châu Phi đặc biệt phát triển từ những năm 70 của thế kỉ XX.
	2. Cuộc binh biến của sĩ quan và binh lính yêu nước Ai Cập

	ngày 3/7/1952 đã lật đổ Vương triều Pharuc, chỗ dựa của thực dân Anh.
	3. Từ nửa sau thập niên 50, hệ thống thuộc địa của thực dân Châu Âu ở Châu Phi nối tiếp nhau tan rã.
	4. Từ sau năm 1960, nhân dân các nước Châu Phi hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ.
	5. Tháng 2/1990, chế độ phân biệt chủng tộc “Apartheid” bị xoá bỏ ở Nam Phi.
	6. Châu Phi là châu lục có nhiều quốc gia nghèo nhất thế giới.
	7. N.Mandela là tổng thống người da đen đầu tiên của Cộng hoà Nam Phi.
	8. Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Angieri mở đầu phong trào giải phóng dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
	9. Năm 1975 được ghi nhận là “năm Châu Phi” vì nó đã đánh dấu mốc thất bại hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ.

Câu 16: Nét nổi bật ở Mỹ Latin trước CTTG thứ hai

- A. Giành được độc lập hoàn toàn từ đầu thế kỷ XX.
- B. Giành được độc lập từ đầu thế kỷ XIX, sau đó phụ thuộc vào Mỹ.
- C. Đấu tranh chống thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, giành độc lập.
- D. Đấu tranh chống đế quốc Mỹ, giành độc lập dân tộc.

Câu 17: Sau CTTG thứ hai, mỹ tìm cách biến Mỹ Latin thành

- A. Đối trọng của Mỹ.
- B. Căn cứ quân sự của Mỹ.
- C. “sân sau” của Mỹ.
- D. Đồng minh của Mỹ.

Câu 18: Sau CTTG thứ hai, mục tiêu lớn nhất trong cuộc đấu tranh của nhân dân Mỹ Latin là

- A. Chống đế quốc Mỹ, giành độc lập dân tộc.
- B. Chống chế độ phân biệt chủng tộc.
- C. Chống chế độ độc tài thân Mỹ, bảo vệ độc lập.
- D. Chống chế độ độc tài thân Mỹ, giành quyền sống.

Câu 19: Sự kiện nào được đánh giá là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ Latin sau chiến tranh thế giới thứ hai là?

- A. Thắng lợi của cách mạng Cuba.
- B. Thắng lợi của cách mạng Ve-nê-xu-ê-la.
- C. Thắng lợi của cách mạng Ê-cu-a-đo.
- D. Thắng lợi của cách mạng Mê-hi-cô.

Câu 20: Lãnh tụ đã dẫn dắt cách mạng Cuba lật đổ chế độ độc tài thân Mỹ từng bước tiến lên XHCN là

- A. Hô-xê-mác-ti.
- B. Raul Castro.
- C. Chê Guê-va-ra.
- D. Phi-đen Cax-tơ-rô.

Câu 21: Sự kiện khởi đầu của cách mạng Cu-ba (1953-1959)

- A. Cuộc tấn công của Moncada do Fidel Castro chỉ huy.
- B. Cuộc đổ bộ vào đất liền của đội quân 81 chiến sĩ do Fidel Castro chỉ huy.
- C. Fidel Castro thành lập Đảng Cộng sản và dẫn dắt cách mạng Cuba.
- D. Nước CH Cuba ra đời do Fidel Castro đứng đầu.

Câu 22: CM Cuba thắng lợi vào thời gian nào

- A. 5/1955.
- B. 6/1957.
- C. 9/1958.
- D. 1/1959.

Câu 23: Nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của cách mạng Cuba, tháng 8/1961 Mỹ đề xướng tổ chức

- A. Liên minh dân tộc các nước cộng hòa Châu Mỹ.
- B. Châu Mỹ là của người châu Mỹ.
- C. Liên minh vì tiến bộ.
- D. Cộng đồng các nhà nước Mỹ Latin và Caribe.

Câu 24: Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới, Mỹ Latin đã được mệnh danh là

- A. “Hòa đảo tự do”.
 - B. “Lục địa mới trời dậy”.
 - C. “Đại lục núi lửa”.
 - D. “Tiền đồn của chủ nghĩa xã hội”.
- D. Chống phân biệt chủng tộc.

Câu 25: Điểm khác nhau căn bản của phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ Latin với phong trào dân tộc Châu Á, Châu Phi là

- A. Mỹ Latin đấu tranh chống lại bọn đế quốc thực dân và bọn tay sai để giải phóng dân tộc.
- B. Mỹ Latin đấu tranh giành độc lập chủ quyền dân tộc.
- C. Mỹ Latin đấu tranh chống lại các thế lực thân Mỹ, thành lập chính phủ dân tộc dân chủ, qua đó giành lại độc lập chủ quyền dân tộc.
- D. Hình thành tổ chức thống nhất chung sự đấu tranh.

CHƯƠNG IV - MỸ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN (1945- 2000)

Bài 6: NƯỚC MỸ.

I. NƯỚC MỸ TỪ NĂM 1945 ĐẾN 1973

1. Kinh tế:

- Sau CTTG II, kinh tế Mỹ phát triển mạnh:
 - + công nghiệp chiếm 56,5% tổng sản lượng công nghiệp thế giới.
 - + nông nghiệp gấp hai lần 5 nước Anh, Pháp, CHLB Đức, Italia, Nhật cộng lại.
 - + Nắm 50% số lượng tàu bè đi lại trên biển, ¾ dự trữ vàng thế giới.
 - + Chiếm 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới...
- Khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mỹ là trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới.

* Nguyên nhân:

- Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú, nhân lực dồi dào, trình độ kỹ thuật cao, năng động, sáng tạo.
- Lợi dụng chiến tranh để làm giàu từ bán vũ khí.
- Áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng KHKT để nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm, điều chỉnh hợp lý cơ cấu sản xuất....
- Các tổ hợp công nghiệp quân sự, các công ty, tập đoàn tư bản Mỹ có sức sản xuất lớn, cạnh tranh hiệu quả.
- Các chính sách và hoạt động điều tiết của nhà nước có hiệu quả.

2. Khoa học- kỹ thuật:

Mỹ là nước khởi đầu và đạt nhiều thành tựu cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật hiện đại: đi đầu trong lĩnh vực chế tạo công cụ sản xuất mới (máy tính điện tử, máy tự động); vật liệu mới (polyme, vật liệu tổng hợp); năng lượng mới (nguyên tử, nhiệt hạch); sản xuất vũ khí, chinh phục vũ trụ, "cách mạng xanh" trong nông nghiệp....

3. Đối ngoại :

Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới. Mục tiêu của: « Chiến lược toàn cầu »:

- + Ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới tiêu diệt hoàn toàn CNXH.
- + Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào chống chiến tranh, vì hòa bình, dân chủ trên thế giới.
- + Khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh.
- Mỹ khởi xướng "Chiến tranh lạnh", gây ra hàng loạt cuộc chiến tranh xâm lược, bạo loạn, lật đổ... trên thế giới (Việt Nam, Cu Ba, Trung Đông...).
- Tháng 2-1972, Mỹ thực hiện hòa hoãn với hai nước lớn để chống lại phong trào cách mạng của các dân tộc.

II. NƯỚC MỸ TỪ NĂM 1973 - 1991.

1. Kinh tế

- 1973 – 1982, do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, kinh tế Mỹ lâm vào khủng hoảng và suy thoái kéo dài.
- Từ 1983, kinh tế Mỹ phục hồi và phát triển. Tuy vẫn đứng đầu thế giới về kinh tế – tài chính nhưng tỷ trọng kinh tế Mỹ trong nền kinh tế thế giới giảm sút.

2. Đối ngoại :

- Thất bại trong cuộc chiến tranh Việt Nam, Mỹ ký Hiệp định Pari (1973), rút quân khỏi về nước.
- Tiếp tục triển khai ”chiến lược toàn cầu ” với học thuyết Ri-gân (Reagan), tăng cường chạy đua vũ trang làm suy giảm vị trí kinh tế, chính trị của Mỹ.
- Giữa thập niên 80, xu thế hòa hoãn ngày càng chiếm ưu thế trên thế giới.
- Tháng 12/1989, Mỹ và Liên Xô chính thức tuyên bố kết thúc ”chiến tranh lạnh ”.

III. NƯỚC MỸ TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000.

1. Kinh tế, khoa học –kỹ thuật

- Thập niên 90, kinh tế suy thoái ngắn nhưng vẫn đứng đầu thế giới, chiếm 25% giá trị tổng sản phẩm thế giới; chi phối nhiều tổ chức kinh tế – tài chính quốc tế như WTO, WB, IMF....
- Khoa học –kỹ thuật: phát triển mạnh, nắm 1/3 lượng bản quyền phát minh sáng chế của toàn thế giới.

2. Chính trị và đối ngoại.

- Thập niên 90, chính quyền B.Clinton thực hiện chiến lược ”Cam kết và mở rộng ”. Mục tiêu
 - + Bảo đảm an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.
 - + Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mỹ.
 - + Sử dụng khẩu hiệu ”Thúc đẩy dân chủ ”để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.
- Sau khi « Chiến tranh lạnh » kết thúc, trật tự hai cực I-an-ta (Yalta) sụp đổ, Mỹ có tham vọng chi phối và lãnh đạo toàn thế giới.
- Vụ khủng bố ngày 11-09 -2001 cho thấy bản thân nước Mỹ cũng rất dễ bị tổn thương và chủ nghĩa khủng bố làm cho Mỹ thay đổi chính sách đối nội và đối ngoại ở thế kỷ XXI.
- 1995, Mỹ bình thường hóa quan hệ với Việt Nam.

CÂU HỎI ÔN TẬP CUỐI BÀI

Câu 1: Nội dung nào sau đây **không phải** là biểu hiện kinh tế Mỹ giai đoạn 1945-1973.

A. Sản lượng công nghiệp chiếm hơn $\frac{1}{2}$ sản lượng công nghiệp thế giới.

B. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 10,8%.

C. Nông nghiệp bằng hai lần sản lượng Anh, Pháp, CHLB Đức, Italia, Nhật Bản cộng lại.

D. Nắm hơn 50% tàu bè đi lại trên biển, $\frac{3}{4}$ dự trữ vàng thế giới.

Câu 2: Trong khoảng 20 năm sau CTTG thứ hai, vị thế kinh tế nước Mỹ là

A. trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

B. một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính lớn nhất thế giới.

C. nước điều phối nền kinh tế thế giới.

D. Mỹ chỉ phối các tổ chức kinh tế- tài chính thế giới

Câu 3: Trong khoảng nửa sau những năm 40 của thế kỷ XX, nền kinh tế Mỹ chiếm gần

A. 30% tổng sản phẩm kinh tế thế giới .B. 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.

C. 50% tổng sản phẩm kinh tế thế giới. D. 70% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.

Câu 4: Nội dung nào sau đây **không phải** là nguyên nhân phát triển kinh tế Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Trình độ tập trung tư bản và sản xuất ở Mỹ rất cao.

B. Có điều kiện thiên nhiên thuận lợi, nguồn nhân lực dồi dào, trình độ kỹ thuật cao.

C. Mỹ có hệ thống thuộc địa rộng lớn nhất thế giới.

D. Áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại.

Câu 5: Nguyên nhân quan trọng nhất quyết định sự phát triển kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. Mỹ có lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn lao động dồi dào, trình độ cao.

B. Mỹ lợi dụng chiến tranh để làm giàu từ việc buôn bán vũ khí.

C. Mỹ áp dụng những thành tựu khoa học – kỹ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm và điều chỉnh hợp lý cơ cấu sản xuất.

D. vai trò điều tiết, quản lý hiệu quả của Nhà nước.

Câu 6: Nguyên nhân khách quan tạo điều kiện cho nền kinh tế Mỹ phát triển nhanh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. Mỹ có nguồn nhân lực lao động dồi dào, trình độ kỹ thuật cao.

B. Mỹ có trình độ tập trung sản xuất, tập trung tư bản cao.

C. Mỹ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại.

D. Mỹ không bị ảnh hưởng của các cuộc chiến tranh thế giới.

Câu 7: Mỹ là nước khởi đầu và thu hút được những thành tựu to lớn trong cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần hai là nhờ

A. có nguồn tài chính lớn để đầu tư nghiên cứu.

B. có trình độ phát triển kinh tế cao.

C. có nhiều nhà khoa học lỗi lạc, có điều kiện để phục vụ nghiên cứu khoa học.

D. có nhiều nhà khoa học, có nguồn tài chính lớn.

Câu 8: Trong những năm 1973 – 1982, nền kinh tế Mỹ lâm vào tình trạng khủng hoảng chủ yếu do

A. tác động của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

B. thất bại trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mỹ ký Hiệp định Paris 1973 và rút quân về nước.

C. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.

D. sự cạnh tranh của Nhật Bản và các nước Tây Âu.

Câu 9: Vai trò của kinh tế Mỹ đối với nền kinh tế thế giới 1991 – 2000 là

- A. chỉ phối nhiều tổ chức kinh tế - tài chính thế giới.
- B. là trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.
- C. là một trong ba trung tâm tài chính thế giới.
- D. chỉ phối và khống chế các nước đồng minh.

Câu 10: Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Mỹ so với kinh tế Tây Âu và Nhật Bản là gì?

- A. Kinh tế Mỹ phát triển nhanh và luôn giữ vững địa vị hàng đầu.
- B. Kinh tế Mỹ bị các nước tư bản Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh gay gắt.
- C. Kinh tế Mỹ phát triển nhanh, nhưng thường xuyên xảy ra nhiều cuộc suy thoái.
- D. Kinh tế Mỹ phát triển đi đôi với phát triển quân sự.

Câu 11: Mục tiêu bao trùm trong chính sách đối ngoại của Mỹ từ sau CTTG thứ hai là

- A. triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới.
- B. hòa bình hợp tác với các nước trên thế giới.
- C. bắt tay với Trung Quốc và Liên Xô để chống lại phong trào cách mạng thế giới.
- D. sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp nội bộ của nước khác.

Câu 12: Chiến lược toàn cầu nhằm thực hiện tham vọng nào của Mỹ?

- A. Chi phối các nước tư bản đồng minh.
- B. Làm bá chủ, thống trị thế giới.
- C. Chi phối các tổ chức kinh tế - tài chính lớn của thế giới.
- D. Thiết lập trật tự thế giới “đơn cực”.

Câu 13: Mục tiêu chiến lược toàn cầu của Mỹ đối với các nước TBCN là

- A. hòa hoãn, thỏa hiệp.
- B. trở thành những nước đồng minh.
- C. ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ.
- D. khống chế, chi phối.

Câu 14: Trong các mục tiêu chủ yếu Chiến lược toàn cầu của Mỹ, mục tiêu nào có ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam?

- A. Ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.
- B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc.
- C. Đàn áp phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.
- D. Khống chế các nước tư bản đồng minh.

Câu 15: Một trong những biện pháp của Mỹ sau CTTG thứ hai đã dẫn đến tình trạng đối đầu căng thẳng với Liên Xô và các nước XHCN, đó là

- A. Mỹ trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược nhiều nơi.
- B. Mỹ khởi xướng cuộc Chiến tranh lạnh.
- C. Mỹ gây ra những cuộc đảo chính, bạo loạn nhiều nơi.
- D. Mỹ dính líu vào những cuộc xung đột ở nhiều nơi.

Câu 16: Tổng thống Mỹ đầu tiên đề xướng chiến lược toàn cầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Ru-dơ-ven.
- B. Ai-xen-hao.
- C. Tru-man.
- D. Ken-nơ-đi.

Câu 17: Để thực hiện mục tiêu trong chiến lược toàn cầu, Mỹ dựa vào

- A. sức mạnh quân sự, đặc biệt là vũ khí hạt nhân.
- B. sức mạnh quân sự và kinh tế (“Chính sách thực lực”).
- C. sức mạnh tài chính và chính sách ngoại giao.
- D. sức mạnh quân sự và chính trị.

Câu 18: Sự kiện chứng tỏ Mỹ điều chỉnh chính sách đối ngoại để chống lại phong trào giải phóng dân tộc là

- A. diễn ra nhiều cuộc gặp gỡ cùng những thỏa thuận Xô – Mỹ năm 1972.
- B. thỏa hiệp với Trung Quốc và Liên Xô năm 1972.
- C. hai nước Liên Xô và Mỹ ký nhiều hiệp định về cắt giảm vũ khí tiến công chiến lược năm 1972.
- D. hai nước Xô – Mỹ tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh năm 1989.

Câu 19: Vì sao 1972 Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và Liên Xô?

- A. Mỹ muốn bình thường hóa mối quan hệ Trung Quốc và Liên Xô.
- B. Mỹ muốn hòa hoãn với Trung Quốc và Liên Xô để chống lại phong trào giải phóng dân tộc.
- C. Mỹ muốn thay đổi chính sách đối ngoại với các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. Mỹ muốn mở rộng các nước đồng minh để chống lại các nước thuộc địa.

Câu 20: Sau khi thất bại ở VN năm 1975, các chính quyền Mỹ

- A. vẫn tiếp tục “Chiến lược toàn cầu” và theo đuổi Chiến tranh lạnh.
- B. từ bỏ “Chiến lược toàn cầu”.
- C. chỉ theo đuổi Chiến tranh lạnh chống lại Liên Xô và các nước XHCN.
- D. tiếp tục “Chiến lược toàn cầu” nhưng thu hẹp ở châu Á do thất bại ở Đông Dương.

Câu 21: Sự kiện đánh dấu kết thúc mối quan hệ đối đầu giữa Mỹ và Liên Xô là

- A. Mỹ ký với Liên Xô Hiệp định về việc hạn chế vũ khí tiến công chiến lược.
- B. Mỹ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
- C. cuộc tấn công khủng bố vào nước Mỹ.
- D. Tổng thống Mỹ B.Cin-ton sang thăm Liên Xô.

Câu 22: Trong những năm 90 của thế kỷ XX, về đối ngoại Mỹ đã triển khai chiến lược

- A. Ngăn đe thực tế.
- B. Đối đầu trực tiếp.
- C. Thúc đẩy dân chủ.
- D. Cam kết và mở rộng

Câu 23: “Chiêu bài” Mỹ sử dụng để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước từ thập niên 90 là

- A. tự do tín ngưỡng.
- B. ủng hộ độc lập dân chủ.
- C. thúc đẩy dân chủ.
- D. chống chủ nghĩa khủng bố.

Câu 24: Xác định yếu tố nào làm thay đổi chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ khi bước sang thế kỉ XXI? A. Chủ nghĩa khủng bố.

- C. Sự suy thoái về kinh tế.
- D. Xung đột sắc tộc, tôn giáo.

Câu 25: Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao với VN vào năm nào?

- A. 1994.
- B. 1993.
- C. 1995.
- D. 1996.